TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒN ĐẤT** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 04-01-2024

V/v: Tranh chấp ly hôn, giải quyết việc nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng

2. Bà Phạm Hồng Gái

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quốc Tũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang *tham gia phiên toà:* Không tham gia

Ngày 04 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 540/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, giải quyết việc nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 211/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1981; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Hồ Ngọc H1, sinh năm 1977; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 19/7/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày: Vào năm 2012 chị và anh Hồ Ngọc H1 quen biết yêu thương nhau và được sự đồng ý của cha mẹ hai bên nên chị và anh H1 tiến hành tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Trong quá trình chung sống

chị và anh H1 có 01 người con chung tên Nguyễn Gia P, sinh ngày 27/02/2012, hiện cháu P đang sống cùng chị H. Về tài sản chung, nợ chung thì không có.

Chị H xác nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn với nhau, lý do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, không hợp nhau, vợ chồng thường hay cãi vã nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt nên anh chị đã ly thân từ đó cho đến nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Toà án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Chị H yêu cầu ly hôn với anh H1

Về con chung: Chị H và anh H1 có 01 người con chung tên Nguyễn Gia P, sinh ngày 27/02/2012. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu P cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26/10/2023, bị đơn anh Hồ Ngọc H1 trình bày như sau:

Vào năm 2012 anh và chị Nguyễn Thị Ngọc H quen biết yêu thương nhau và được sự đồng ý của cha mẹ hai bên nên anh và chị H tiến hành tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Trong quá trình chung sống anh và chị H có 01 người con chung tên Nguyễn Gia P, sinh ngày 27/02/2012, hiện cháu P đang sống cùng chị H. Về tài sản chung, nợ chung thì không có.

Anh H1 xác nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn với nhau, lý do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, không hợp nhau, vợ chồng thường hay cãi vã nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt nên anh và chị H đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh thì anh có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh H1 đồng ý giao con chung tên Nguyễn Gia P, sinh ngày 27/02/2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh H1 không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị H, anh H1 vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang giải quyết việc hôn nhân của anh chị. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm 4 khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện

Hòn Đất. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho chị H và anh H1 nhưng anh, chị vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H1 chung sống với nhau vào năm 2012 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang ngày 28/7/2014, do đó hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H và anh H1 chung sống hạnh phúc trên cơ sở hôn nhân tự nguyện và có với nhau 01 (một) người con chung tên Nguyễn Gia P, sinh ngày 27/02/2012. Theo lời trình bày của anh H1 và chị H thì anh chị đều xác nhận, kể từ đầu năm 2016, giữa chị H và anh H1 phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, vợ chồng thường hay cãi vã nhau, không hợp nhau, vợ chồng thường hay cãi vã nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt nên anh H1 và chị H đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Anh H1 cũng đồng ý ly hôn với chị H. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[4] Về việc nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh H1 cùng xác nhận có 01 (một) con chung tên Nguyễn Gia P, sinh ngày 27/02/2012, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và anh H1 cũng thống nhất giao cháu P cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi, việc thỏa thuận này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu P theo biên bản ghi lời khai của con chưa thành niên ngày 16/11/2023, do đó Hội đồng xét xử xét nên giao cháu P cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh H1 được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh H1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H1 có ý kiến là không đồng ý cấp dưỡng nuôi con và chị H có ý kiến không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con, do đó Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án chị H và anh H1 đều xác nhận về tài sản chung và nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị H yêu cầu ly hôn nên căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức

thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị H phải có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51, khoản 1, Điều 56, các Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 35, 39 và Điều 40; khoản 4 Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Ngọc H ly hôn với anh Hồ Ngọc H1.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Gia P, sinh ngày 27/02/2012 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh H1 được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh H1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị Ngọc H không yêu cầu anh Hồ Ngọc H1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Hồ Ngọc H1 đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải nộp 300.000 đồng nhưng chị H được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000297 ngày 06-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang, chị H không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Hồ Ngọc H1 vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- CCTHADS huyện Hòn Đất;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- UBND xã Mỹ Hiệp Sơn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Phan Thị Quyên